TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 265/2020/HS-PT
Ngày: 22 - 05 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: ông Trần Văn Mười

ông Nguyễn Đắc Minh

- Thư ký phiên tòa: ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Cao Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 817/2019/TLPT-HS ngày 20/12/2019 đối với bị cáo Võ Thị Hồng V và bị cáo Trần Thị N;

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân Tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Thị Hồng V, sinh năm 1967 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: 243E2 khu phố Mỹ Tân, Phường 7, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nguyên Kế toán Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Đào Minh V Nam; tôn giáo: không; con ông Võ Văn T, sinh năm 1937 và bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1935; chồng: Nguyễn Văn B, sinh năm 1964; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/11/2017 cho đến nay (có mặt).

2. Trần Thị N, sinh năm 1968 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: 351/3, ấp 3, xã Sơn Đông, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nguyên Thủ quỹ Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Đào Minh V Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Khắc C (liệt sĩ) và bà Lê Thị K (chết năm 2005); chồng: Phạm Văn G (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 1997; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 92/2019/HSST-CĐKNCT ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Hồng V:

Luật sư Nguyễn Nghệ A, Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị N:

Luật sư Nguyễn Văn Đ, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Bến Tre (gọi tắt là Ban) được thành lập theo quyết định số 133-QĐ/TU ngày 07/6/1984 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre, thực hiện chế độ kế toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan; nguồn kinh phí hoạt động của Ban gồm tiền gửi kho bạc (TK3711), thu từ Bảo hiểm xã hội chi trả (TK3713), thu khác …..

Theo sự tổ chức của Ban, ông Võ Phúc A, Phó Trưởng ban thường trực, là chủ tài khoản, làm nhiệm vụ quản lý việc thu, chi của Ban theo quy định; Võ Thị Hồng V là kế toán theo quyết định số 15/QĐ/BVSK ngày 31/7/2012 của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh (riêng từ năm 2010 đến 31/7/2012 cũng do Võ Thị Hồng V làm kế toán nhưng không có quyết định); thủ quỹ của Ban gồm có: Trần Thị Mộng H (từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/7/2010), Lê Thị Hồng T (từ ngày 01/8/2010 đến ngày 31/3/2011), Trần Thị N (từ ngày 01/4/2011 đến ngày 31/3/2016), Đào Minh V (từ ngày 01/4/2016 đến ngày 30/9/2016).

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, lợi dụng sự quản lý thiếu chặt chẽ của bị cáo Võ Phúc A trong việc thu, chi tài chính, Võ Thị Hồng V, Đào Minh V và Trần Thị N đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

Hành vi rút tiền về không nhập vào sổ quỹ tiền mặt của thủ quỹ là 5.112.000.000 đồng (năm tỷ một trăm mười hai triệu đồng):

Từ năm 2010 đến tháng 09/2016, Võ Thị Hồng V lập 268 giấy rút tiền mặt với số tiền rút tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bến Tre (kho bạc) là 10.310.449.400 đồng, trong đó Trần Thị Mộng H rút: 250.000.000 đồng, Lê Thị Hồng T: 400.000.000 đồng, Trần Thị N: 2.474.449.400 đồng, Đào Minh V: 7.186.000.000 đồng.

Khi rút tiền về, Trần Thị N và Đào Minh V không nhập vào sổ quỹ tiền mặt 138 giấy (có 137 giấy không nhập và 01 giấy rút số tiền 100.000.000 đồng nhưng nhập sổ quỹ số tiền 30.000.000 đồng) tổng số tiền là: 5.112.000.000 đồng (TK 3711: 1.971.000.000 đồng, TK 3713: 3.141.000.000 đồng); trong đó Trần Thị N: 210.000.000 đồng, Đào Minh V: 4.902.000.000 đồng. Riêng Võ Thị Hồng V không nhập sổ sách kế toán số tiền là 5.487.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký của chủ tài khoản, kế toán, người rút tiền trên 138 giấy rút tiền (các giấy này do Kho bạc tỉnh Bến Tre cung cấp vì trong hồ sơ kế toán, đa số giấy rút tiền không còn đầy đủ), đã xác định 56 giấy rút tiền mặt với tổng số tiền rút được là 2.498.000.000 đồng không phải chữ ký của chủ tài khoản Võ Phúc A; riêng chữ ký của kế toán Võ Thị Hồng V và người rút tiền là Đào Minh V cùng con dấu trên 56 giấy là thật.

Võ Thị Hồng V bắt đầu thực hiện việc lập giấy rút tiền giả chữ ký của chủ tài khoản Võ Phúc A từ tháng 12/2012: 01 giấy; năm 2014: 12 giấy; năm 2015: 25 giấy và từ tháng 01 đến tháng 9 năm 2016: 18 giấy. Số tiền chiếm đoạt ngày càng tăng dần qua các năm, liên tiếp nhau như năm 2016: tháng 4 thực rút 05 lần, có 04 lần giấy giả chữ ký; tháng 5 thực rút 03 lần, đều là giấy giả chữ ký, tháng 6 thực rút 04 lần, có 03 lần giấy giả chữ ký… Nhiều trường hợp trong một ngày rút 02 lần, chỉ nhập sổ quỹ 01 lần có chữ ký thật của ông A. Toàn bộ các giấy giả chữ ký rút về đều không nhập sổ quỹ tiền mặt của thủ quỹ Trần Thị N, thủ quỹ Đào Minh V (giai đoạn Đào Minh V làm thủ quỹ) và sổ sách kế toán, gây thiệt hại cho Ngân sách số tiền là 2.498.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ trong hồ sơ kế toán của Võ Thị Hồng V có 01 phiếu chi số C0267 ngày 06/6/2013 số tiền 196.500 đồng (bút lục số 2070) đã bỏ có chữ ký của ông Võ Phúc A tại mục Thủ trưởng đơn vị, kết quả giám định chữ ký đó không phải của ông A. Ngoài ra khi kiểm tra máy vi tính của Võ Thị Hồng V còn lưu 02 giấy rút tiền dùng để làm giả chữ ký chủ tài khoản (giấy rút tiền ngày 12 và 19/6/2015 - bút lục số 2275, 2278).

Như vậy, đã có căn cứ xác định Võ Thị Hồng V đã lập ra giấy rút tiền và giả chữ ký của chủ tài khoản Võ Phúc A, đưa cho Đào Minh V đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Bến Tre rút tiền và chiếm đoạt số tiền trên.

Đối với số tiền không nhập quỹ còn lại là 2.614.000.000 đồng, tất cả chữ ký trên giấy rút tiền đều do Võ Phúc A ký, trong đó xác định như sau:

- 01 giấy rút tiền mặt ngày 29/8/2012 do bị cáo Trần Thị N trực tiếp đi rút tiền tại Kho bạc với số tiền 20.000.000 đồng, nhưng bị cáo Trần Thị N không nhập sổ quỹ tiền mặt để theo dõi mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân;

-Thời điểm Đào Minh V làm thủ quỹ: có 02 giấy rút tiền mặt do Đào Minh V trực tiếp đi rút tiền tại Kho bạc về, không nhập quỹ tổng số tiền 100.000.000 đồng; cụ thể:

+ Giấy rút tiền mặt số 16/12 ngày 22/7/2016 số tiền 30.000.000 đồng;

+ Giấy rút tiền mặt số 16 ngày 25/8/2016 số tiền rút được từ Kho bạc là 100.000.000 đồng, Đào Minh V chỉ nhập quỹ 30.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng Đào Minh V không nhập vào quỹ tiền mặt mà tiêu xài cá nhân; đã thu giữ được giấy rút tiền mặt số 16 ngày 25/8/2016 (bản phô-tô) nhưng số tiền rút tại Kho bạc là 30.000.000 đồng. Đào Minh V khai nhận, khi rút tiền về, đưa hết số tiền 100.000.000 đồng cùng giấy rút tiền cho bị cáo Võ Thị Hồng V. Sau đó, Võ Thị Hồng V đưa lại cho Đào Minh V 30.000.000 đồng kêu nhập sổ, còn lại 70.000.000 đồng bị cáo Võ Thị Hồng V giữ, khoảng vài ngày sau bị cáo Võ Thị Hồng V đưa cho Đào Minh V 01 giấy rút tiền 30.000.000 đồng (bảng phô tô) để đưa cho bà Dung kiểm tra sau này.

-Số tiền còn lại 2.494.000.000 đồng đều do Đào Minh V trực tiếp rút tại Kho bạc. Đào Minh V khai rằng đã đưa hết cho Võ Thị Hồng V và Trần Thị N nhưng không có tài liệu thể hiện việc giao nhận tiền; cả 2 người (Võ Thị Hồng V và Trần Thị N) đều không thừa nhận việc nhận tiền từ Đào Minh V nên không có căn cứ xác định bị cáo Võ Thị Hồng V, bị cáo Trần Thị N, Đào Minh V chiếm đoạt. Bị cáo Võ Phúc A là chủ tài khoản, đã thừa nhận do thiếu trách nhiệm gây ra, nên đã tự nguyện giao nộp số tiền này để khắc phục hậu quả.

Ngoài việc giả chữ ký của chủ tài khoản như nêu trên, bị cáo Võ Thị Hồng V còn thực hiện các hành vi sau đây để chiếm đoạt tiền của Ban; cụ thể như sau:

-Hành vi lập khống 02 giấy ủy nhiệm chi để chiếm đoạt số tiền 408.294.600 đồng: do có quen biết trước với ông Nguyễn Minh Chung (địa chỉ: đội 6, thôn Hai Tảo, xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội) được Chung giới thiệu và cho số tài khoản của ông Nguyễn Châu Á nên Võ Thị Hồng V lập 02 giấy ủy nhiệm chi (số 24/12 ngày 12/4/2012, số tiền 168.858.900 đồng [TK 3713] và số 148/12 ngày 26/12/2012, số tiền 239.435.700 đồng [TK 3711]) có

nội dung chuyển trả tiền mua thuốc điều trị cho cán bộ tháng 12/2011 và tháng 5, 6, 7, 8, 9/2012 trình Võ Phúc A ký. Sau đó, Võ Thị Hồng V đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Bến Tre thực hiện chuyển tiền vào tài khoản của ông Nguyễn Châu Á (địa chỉ: 21 đường số 9, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh). Lần thứ nhất: ông Á chuyển trả số tiền trên vào tài khoản của ông Chung. Sau đó, ông Chung rút tiền giao lại cho bị cáo Võ Thị Hồng V tại quán cà-phê. Lần thứ hai: bị cáo Võ Thị Hồng V đi với ông Chung đến Thành phố Hồ Chí Minh gặp ông Á yêu cầu rút số tiền 239.435.700 đồng đưa cho bị cáo Võ Thị Hồng V tại Ngân hàng TECHCOMBANK - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua kết quả điều tra, Ban không ký hợp đồng mua thuốc với ông Nguyễn Châu Á; ông Á chỉ là nhân viên bảo vệ của Công ty liên doanh ven sông Sài Gòn Rives side.

Số tiền chiếm đoạt nêu trên, bị cáo Võ Thị Hồng V khai nhận có sự trao đổi bàn bạc với bị cáo Võ Phúc A và bị cáo Trần Thị N. Khi nhận được tiền bị cáo Võ Thị Hồng V có báo cáo với bị cáo Ánh và được bị cáo Ánh chia cho bị cáo và bị cáo Trần Thị N mỗi người 125.000.000 đồng, riêng bị cáo Ánh là 157.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.294.600 đồng chi phí ăn uống. Kết quả điều tra không có căn cứ chứng minh rằng bị cáo Võ Phúc A và bị cáo Trần Thị N có liên quan đến số tiền trên và cả bị cáo Võ Phúc A và bị cáo Trần Thị N cũng không thừa nhận sự việc này.

-Hành vi thu tiền khám chữa bệnh 5%, 20% của các đối tượng B, C không nộp Kho bạc chiếm đoạt số tiền: 834.475.203 đồng; cụ thể như sau:

Ban thực hiện việc khám chữa bệnh cho các đối tượng A, B, C theo Quyết định số 565/QĐ/TU ngày 12/6/2007, Quyết định số 769-QĐ/TU ngày 11/3/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Theo quy định của Luật Bảo hiểm Y tế thì người bệnh phải cùng chi trả 5% hoặc 20% (tùy đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm y tế). Trong đó, đối tượng A được Tỉnh ủy hỗ trợ khoản chi phí này (theo công văn số 1937-CV/TU ngày 02/12/2009 của Thường trực Tỉnh ủy và Công văn số 81-CV/BVSK ngày 23/12/2009 của Ban).

Từ năm 2010, bị cáo Võ Thị Hồng V được bị cáo Võ Phúc A phân công thu tiền 5% và 20% của các đối tượng khám bệnh tại Ban. Sau khi thu tiền, bị cáo Võ Thị Hồng V không giao cho thủ quỹ quản lý mà giữ lại để chi cho đối tượng A, cho thủ quỹ của Ban mượn để chi cho hoạt động của Ban và tiêu xài cá nhân.

Qua kiểm tra sổ sách, chứng từ thu, chi từ năm 2010 đến năm 2015, xác định:

- Tổng thu của đối tượng B, C là: 1.099.657.789 đồng;

- Tổng chi cho đối tượng A là: 155.157.016 đồng (chi quyết toán cho đối tượng A);

- Số tiền cho thủ quỹ Lê Thị Hồng T mượn để chi cho hoạt động của Ban là: 110.025.070 đồng;

- Số tiền còn lại: 834.475.203 đồng bị cáo Võ Thị Hồng V chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Riêng đối với số tiền thu của năm 2016 là: 84.218.309 đồng, đã chi 17.915.326 đồng (chi quyết toán cho đối tượng A là: 16.572.226, tạm ứng để in thẻ khám bệnh là: 1.343.100 đồng), còn lại 66.302.983 đồng. Mặc dù bị cáo Võ Thị Hồng V giữ lại, không giao cho thủ quỹ quản lý, nhưng vì chưa thực hiện quyết toán năm nên chưa có căn cứ xác định bị cáo Võ Thị Hồng V chiếm đoạt số tiền này.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an tỉnh Bến Tre xác định rằng số tiền bị cáo Võ Thị Hồng V tạm ứng để in thẻ khám bệnh được trừ vào số tiền bị cáo Võ Thị Hồng V chiếm đoạt là không có cơ sở, bởi vì số tiền 1.343.100 đồng được bị cáo Võ Thị Hồng V tạm ứng trả tiền vào ngày 11/4/2016 (hóa đơn số 0000233). Vì vậy số tiền này được trừ vào số tiền thu viện phí của năm 2016 là phù hợp.

Như vậy, tổng số tiền thu viện phí bị cáo Võ Thị Hồng V có trách nhiệm giao nộp cho Ban là: 900.778.186 đồng, đã giao nộp: 849.612.237 đồng (trong đó giao nộp trực tiếp cho Ban là: 825.000.000 đồng, giao nộp cho Cơ quan Thanh tra là: 24.612.237 đồng), còn phải giao nộp là: 51.165.949 đồng.

Đối với bị cáo Trần Thị N, ngoài hành vi rút tiền về không nhập quỹ để chiếm đoạt 20.000.000 đồng, bị cáo còn thực hiện hành vi ghi sổ quỹ tiền mặt 02 lần cho cùng 01 khoản chi để chiếm đoạt số tiền 19.569.162 đồng; cụ thể như sau:

-Kế toán ra phiếu chi tiền mua kim, que thử đường huyết số 68 ngày 27/01/2014 số tiền 3.285.133 đồng và phiếu chi số 137 ngày 28/02/2014 số tiền 4.995.202 đồng (toàn bộ hóa đơn các chứng từ, phiếu thu của công ty thuốc Nhật Huy ghi năm 2014); bị cáo Trần Thị N nhập trong sổ quỹ đã chi ngày 03/03/2014 số tiền 4.995.202 đồng và 3.285.133 đồng. Sau khi bà Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trưởng Phòng khám, đã kiểm tra quỹ hàng tháng và ký xác nhận vào sổ năm 2013 thì bị cáo Trần Thị N xé sổ tháng 11/2013, ghi xen vào ngày 25/11/2013 khoản chi mua kim, que thử đường huyết số tiền 8.280.000 đồng.

- Kế toán ra phiếu chi số 346 ngày 01/07/2014 số tiền 5.263.424 đồng và phiếu chi số 354 ngày 11/07/2014 số tiền 6.025.738 đồng, bị cáo Trần Thị N đã chi trong tháng 07/2014, sau đó Trần Thị N xé sổ tháng 12/2013, ghi thêm vào ngày 30/12/2013 số tiền 11.289.162 đồng.

Ngoài ra, tại Ban còn để xảy ra thất thoát các khoản tiền sau đây:

-Số tiền trợ cấp của Văn phòng Tỉnh ủy chưa chi hết, tổng số tiền là 1.400.000 đồng (năm 2010 là 800.000 đồng, năm 2014 là 600.000 đồng). Do việc quản lý thu, chi của Ban không chặt chẽ, sổ quỹ tiền mặt của thủ quỹ không ghi nhận nguồn thu này, lãnh đạo Ban phân công bất kỳ cá nhân nào của Ban đến nhận tiền từ Văn phòng Tỉnh ủy đem về chi cho các cá nhân được hưởng nên khi kiểm tra phát hiện tổng số tiền còn tồn là 1.400.000 đồng nhưng không xác định được ai là người trực tiếp giữ số tiền này (không xác định được ai là người chiếm đoạt). Hiện tại, bị cáo Võ Phúc A đã tự nguyện giao nộp 800.000 đồng, bị cáo Trần Thị N giao nộp 600.000 đồng để khắc phục hậu quả.

- Năm 2016, Đào Minh V làm thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt dư số tiền trợ cấp của Văn phòng Tỉnh ủy là 2.000.000 đồng, nên khi bàn giao quỹ lại cho bị cáo Trần Thị N thiếu 2.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh Đào Minh V chiếm đoạt; Đào Minh V đã giao nộp để khắc phục hậu quả.

- Khi bà Hường bàn giao nhiệm vụ thủ quỹ cho bà Thắm, không có sổ quỹ tiền mặt; bà Hường xác định số tiền nhận được đã chi hết không còn tồn quỹ khi bàn giao lại cho bà Thắm, nhưng căn cứ vào chứng từ và sổ quỹ tiền mặt do kế toán quản lý thì số tiền tồn quỹ là 15.667.171 đồng. Do không còn sổ sách để đối chiếu nên không đủ cơ sở để buộc trách nhiệm của bà Hường; bị cáo Võ Phúc A đã nộp số tiền này để khắc phục hậu quả.

- Đối với thủ quỹ Trần Thị N: không nhập vào sổ quỹ tiền mặt 02 khoản thu với số tiền 14.638.000 đồng (gồm thu lại tiền chi phụ cấp kế toán sai quy định với số tiền 13.870.000 đồng; thu lại tiền chi sai phụ cấp ngành y tế với số tiền 768.000 đồng), nhưng bị cáo Trần Thị N có ký tên trên phiếu thu của kế toán, gây thất thoát số tiền 14.638.000 đồng nhưng không có căn cứ xác định bị cáo Trần Thị N chiếm đoạt cá nhân; hiện nay bị cáo Trần Thị N đã nộp khắc phục hậu quả.

- Quá trình ghi sổ quỹ tiền mặt, thủ quỹ ghi sổ bỏ số lẻ hoặc nhập sổ dư so với hóa đơn, chứng từ dẫn đến thất thoát tổng số tiền 480.522 đồng. Trong đó, bị cáo Trần Thị N gây thất thoát số tiền 306.255 đồng (đã giao nộp 755.155 đồng,

nộp thừa 448.900 đồng), Đào Minh V gây thất thoát số tiền 174.267 đồng (chưa giao nộp).

- Ngày 26/11/2012, trên sổ kế toán có chứng từ chuyển khoản chi thuê phòng nghỉ và tiếp khách số tiền 25.527.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 05/12/2012 trên sổ quỹ tiền mặt của bị cáo Trần Thị N có ghi nội dung chi thuê phòng nghỉ và tiếp khách số tiền 25.527.000 đồng. Theo lời khai của bà Dung, khi kiểm tra tồn quỹ tiền mặt tháng 12 có phát sinh chứng từ chi tiếp khách trên, do đó không có cơ sở để buộc trách nhiệm hình sự đối với Trần Thị N. Số tiền này bị cáo Trần Thị N đã nộp khắc phục hậu quả theo quyết định của Thanh tra tỉnh.

Đối với bị cáo Võ Phúc A có những sai phạm như sau:

Từ năm 2010 đến năm 2016, bị cáo Võ Phúc A với chức vụ Phó Trưởng ban thường trực Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Bến Tre, đồng thời là chủ tài khoản thực hiện việc quản lý thu, chi tài chính. Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ đã thiếu trách nhiệm dẫn đến kế toán, thủ quỹ của Ban thực hiện hành vi tham ô và làm thất thoát tài sản gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 6.500.354.641 đồng, trong đó các cá nhân có liên quan đã nộp khắc phục số tiền 3.583.168.725 đồng, gồm:

-Nộp trực tiếp cho Ban là: 827.000.000 đồng (gồm bị cáo Võ Thị Hồng V nộp: 825.000.000 đồng tiền thu viện phí 5%, 20%; Đào Minh V nộp: 2.000.000 đồng tiền chi dư).

-Nộp cho Cơ quan Thanh tra tỉnh là: 1.058.745.012 đồng (gồm: tiền không nhập quỹ do bị cáo Ánh nộp: 953.798.613 đồng, bị cáo Trần Thị N nộp: 20.000.000 đồng; tiền viện phí 5%, 20% do bị cáo Võ Thị Hồng V nộp: 24.612.237 đồng; bị cáo Trần Thị N nộp các khoản gồm: tiền thu lại từ các khoản chi sai là 14.638.000 đồng, số tiền chi thuê phòng nghỉ và tiếp khách là 25.527.000 đồng, số tiền trợ cấp của Văn phòng Tỉnh ủy chưa chi hết là 600.000 đồng và tiền bị cáo Trần Thị N xé sổ chi khống là 19.569.162 đồng).

-Nộp cho Cơ quan Điều tra là: 1.697.423.713 đồng (gồm bị cáo Ánh nộp: 1.686.668.558 đồng, Đào Minh V nộp: 10.000.000 đồng và bị cáo Trần Thị N nộp: 755.155 đồng).

Ngày 23/3/2018 và 19/10/2018, Cơ quan Thanh tra chuyển cho Cơ quan Điều tra số tiền đã thu giữ là: 1.017.980.012 đồng (gồm các khoản: tiền không nhập quỹ do bị cáo Ánh và bị cáo Trần Thị N nộp: 973.798.613 đồng, tiền thu

viện phí 5%, 20% do bị cáo Võ Thị Hồng V nộp: 24.612.237 đồng, tiền bị cáo Trần Thị N xé sổ chi khống: 19.569.162 đồng).

Tổng số tiền Cơ quan Điều tra thu giữ từ Cơ quan Thanh tra và các cá nhân có liên quan là: 2.715.403.725 đồng. Ngày 22/10/2018, Cơ quan Điều tra đã chuyển trả cho Ban toàn bộ số tiền đã thu giữ. Số tiền các cá nhân giao nộp còn lại là 40.765.000 đồng, Cơ quan Thanh tra đã nộp trả Ngân sách tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, kết quả điều tra còn thể hiện rằng Ban có nhận tiền hoa hồng từ trình dược viên của các công ty thuốc, với tổng số tiền: 1.439.036.522 đồng; Ban đã thực hiện chi số tiền này cho hoạt động của đơn vị nên không có cơ sở xem xét xử lý hình sự.

Bị cáo Võ Phúc A đã thừa nhận hành vi thiếu trách nhiệm dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo Trần Thị N thừa nhận rút tiền về không nhập quỹ và xé sổ quỹ báo cáo chi 02 lần để chiếm đoạt tổng số tiền 39.569.162 đồng. Riêng bị cáo Võ Thị Hồng V và Đào Minh V không thừa nhận bản thân đã chiếm đoạt số tiền trên. Đào Minh V khai khi bị cáo Võ Thị Hồng V đưa giấy rút tiền, nói Đào Minh V đi rút tiền giùm. Đến khi rút tiền về, bị cáo Võ Thị Hồng V nói đưa lại thì Đào Minh V đã đưa cho bị cáo Võ Thị Hồng V. Đào Minh V thừa nhận rằng rút tiền về là phải đưa cho thủ quỹ Trần Thị N nhập quỹ, còn việc đưa cho bị cáo Võ Thị Hồng V là vi phạm pháp luật, nên khi đưa cho bị cáo Võ Thị Hồng V không viết biên nhận, không có người làm chứng. Đa số khi rút tiền từ Kho bạc về, Đào Minh V đến phòng kế toán giao tiền cho bị cáo Võ Thị Hồng V và một số lần giao bên ngoài như quán cơm Nam Sơn, nhà riêng của bị cáo Võ Thị Hồng V tại Phường 7, thành phố BT …; bị cáo Võ Thị Hồng V khai 56 giấy rút tiền nêu trên là do bị cáo làm, chữ ký chủ tài khoản là do bị cáo Võ Phúc A ký, bị cáo không giả chữ ký của bị cáo Ánh, Đào Minh V không có đưa tiền cho bị cáo, bị cáo không nhập sổ quỹ là do thủ quỹ khi rút tiền về không đưa giấy rút tiền cho bị cáo nên bị cáo không nhập sổ; đối với những giấy rút tiền thu tại bàn làm việc và tại nhà của bị cáo khi khám xét thì bị cáo giải trình do có thu tiền khám chữa bệnh 5%, 20% của cán bộ nên không nhập vào sổ sợ, Phòng Tài chính đảng kiểm tra phát hiện tồn quỹ cao.

Đối với Đào Minh V có hành vi giúp sức cho bị cáo Võ Thị Hồng V sử dụng giấy rút tiền giả chữ ký của chủ tài khoản đến Kho bạc tỉnh Bến Tre rút số tiền 2.498.000.000 đồng và cá nhân Đào Minh V chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng, hiện Đào Minh V đang chữa bệnh tại Viện Pháp y Tâm thần Trung ương Biên Hòa theo Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số: 01/QĐ-VKS-P3 ngày 23/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, nên Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre ra Quyết định tách vụ án số: 02 ngày 01/7/2019 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can. Khi đủ điều kiện sẽ phục hồi điều tra để xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-P3 ngày 29/07/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Võ Thị Hồng V về "*Tội tham ô tài sản*" theo Điểm a Khoản 4 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Trần Thị N về "*Tội tham ô tài sản*" theo Khoản 1 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Võ Phúc A về "*Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*" theo Khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 15/11/2019, Tòa án nhân dân Tỉnh Bến Tre đã quyết định như sau:

1. Đối với bị cáo Võ Thị Hồng V:

Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 278; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Hồng V 20 (hai mươi) năm tù về "*Tội tham ô tài sản*". Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2017.

2. Đối với bị cáo Trần Thị N:

Căn cứ Khoản 1 Điều 278; Điểm b, p, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị N 02 (hai) năm tù về "*Tội tham ô tài sản*". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Đối với bị cáo Võ Phúc A:

Căn cứ Khoản 2 Điều 285; Điểm b, p, s Khoản 1; khoản 2, Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Võ Phúc A 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15/11/2019 về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*".

Giao bị cáo Võ Phúc A cho Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nơi cư trú cùng gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Vào ngày 25/11/2019, bị cáo Võ Thị Hồng V kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 27/11/2019, bị cáo Trần Thị N kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Thị Hồng V và Trần Thị N thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng và bản án sơ thẩm quy kết, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bị cáo trình bày thêm như sau:

-Bị cáo Võ Thị Hồng V: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thêm về trách nhiệm dân sự của bị cáo Võ Phúc A và Đào Minh V trong hành vi giả chữ ký của chủ tài khoản để rút tiền (theo 56 giấy rút tiền mặt) và hành vi lập khống 02 giấy ủy nhiệm chi để chiếm đoạt tiền. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo đã khắc phục thêm số tiền 50.000.000 đồng (ngày 21/05/2020).

-Bị cáo Trần Thị N xin hưởng án treo vì hiện nay, bị cáo có việc làm ổn định tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ căn cứ kết luận rằng trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2016 khi làm việc tại Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Bến Tre (bị cáo Võ Thị Hồng V là kế toán; bị cáo Trần Thị N là thủ quỹ), các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tiền mà các bị cáo quản lý, cụ thể như sau: bị cáo Võ Thị Hồng V chiếm đoạt 3.704.769.803 đồng; bị cáo Trần Thị N chiếm đoạt 39.569.162 đồng.

Như vậy, bị cáo Võ Thị Hồng V và bị cáo Trần Thị N đã phạm tội "Tham ô tài sản" theo Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Võ Thị Hồng V 20 năm tù; xử phạt bị cáo Trần Thị N 02 năm tù. Hình phạt như vậy là tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo.

Mặc dù trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo Võ Thị Hồng V có khắc phục thêm một khoản tiền (50.000.000 đồng) nhưng xét thấy việc quyết định hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí

Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày ý kiến như sau:

Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Thị Hồng V:

-Mặc dù đơn kháng cáo của bị cáo trình bày chưa rõ ràng, nhưng qua lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định rằng việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bị cáo là đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thêm về trách nhiệm dân sự liên đới của bị cáo Võ Phúc A và Đào Minh V cùng với bị cáo, trong vụ án này.

Luật sư đề nghị cụ thể như sau: xem xét trách nhiệm dân sự liên đới của Đào Minh V trong việc chữ ký của chủ tài khoản để rút tiền (theo 56 giấy rút tiền mặt) và xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo Võ Phúc A trong hành vi lập khống 02 giấy ủy nhiệm chi để chiếm đoạt tiền. Trong những hành vi phạm tội này, nếu không có sự giúp sức của Đào Minh V, Võ Phúc A thì bị cáo Võ Thị Hồng V không thể thực hiện được. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quy kết trách nhiệm cho một mình bị cáo Võ Thị Hồng V, là chưa đúng pháp luật.

Luật sư cũng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và đánh giá thêm về những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt, xử phạt bị cáo Võ Thị Hồng V dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị N:

-Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng và bản án sơ thẩm quy kết. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội "Tham ô tài sản" là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có đủ các điều kiện để có thể được hưởng án treo theo luật định. Vì vậy, Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và đánh giá thêm để có thể chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

(có bài bào chữa kèm theo).

Trong phần tranh luận đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng tất các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Luật sư nêu ra tại phiên tòa hôm nay, đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và đánh giá đầy đủ.

Đối với ý kiến mà Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Thị Hồng V nêu ra, yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo Võ Phúc A trong hành vi lập khống

02 giấy ủy nhiệm chi để chiếm đoạt tiền (408.294.600 đồng), đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng chưa có căn cứ để quy kết theo ý kiến mà Luật sư nêu ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Bến Tre (từ đây gọi là Ban) được thành lập theo quyết định số 133-QĐ/TU ngày 07/6/1984 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre, thực hiện chế độ kế toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan; nguồn kinh phí hoạt động của Ban gồm tiền gửi kho bạc (TK3711), thu từ Bảo hiểm xã hội chi trả (TK3713), thu khác …..

Theo sự tổ chức của Ban, ông Võ Phúc A, Phó Trưởng ban thường trực, là chủ tài khoản, làm nhiệm vụ quản lý việc thu, chi của Ban theo quy định; Võ Thị Hồng V là kế toán (theo quyết định số 15/QĐ/BVSK ngày 31/7/2012 của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Bến Tre. Riêng từ năm 2010 đến 31/7/2012 Võ Thị Hồng V cũng là kế toán nhưng không có quyết định); thủ quỹ của Ban gồm có: Trần Thị Mộng H (từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/7/2010), Lê Thị Hồng T (từ ngày 01/8/2010 đến ngày 31/3/2011), Trần Thị N (từ ngày 01/4/2011 đến ngày 31/3/2016), Đào Minh V (từ ngày 01/4/2016 đến ngày 30/9/2016).

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, lợi dụng sự quản lý thiếu chặt chẽ của bị cáo Võ Phúc A trong việc thu, chi tài chính, Võ Thị Hồng V, Trần Thị N đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

[1.1]Đối với Võ Thị Hồng V:

-Từ năm 2010 đến tháng 09/2016, Võ Thị Hồng V lập 268 giấy rút tiền mặt với số tiền rút tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bến Tre (kho bạc) là 10.310.449.400 đồng, trong đó Trần Thị Mộng H rút: 250.000.000 đồng, Lê Thị Hồng T: 400.000.000 đồng, Trần Thị N: 2.474.449.400 đồng, Đào Minh V: 7.186.000.000 đồng.

Khi rút tiền về, Trần Thị N và Đào Minh V không nhập vào sổ quỹ tiền mặt 138 giấy (có 137 giấy không nhập và 01 giấy rút số tiền 100.000.000 đồng nhưng nhập sổ quỹ số tiền 30.000.000 đồng) tổng số tiền là: 5.112.000.000 đồng (TK 3711: 1.971.000.000 đồng, TK 3713: 3.141.000.000 đồng); trong đó Trần Thị N không nhập số tiền: 210.000.000 đồng, Đào Minh V không nhập số tiền:

4.902.000.000 đồng. Riêng Võ Thị Hồng V không nhập sổ sách kế toán số tiền là 5.487.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký của chủ tài khoản, kế toán, người rút tiền trên 138 giấy rút tiền, xác định được chữ ký chủ tài khoản tại 56 giấy rút tiền mặt (với tổng số tiền rút được là 2.498.000.000 đồng) không phải chữ ký của chủ tài khoản Võ Phúc A; riêng chữ ký của kế toán Võ Thị Hồng V và người rút tiền là Đào Minh V cùng con dấu trên 56 giấy là thật. Toàn bộ 56 giấy giả chữ ký được sử dụng để rút tiền; số tiền rút về đều không nhập sổ quỹ tiền mặt của thủ quỹ Trần Thị N, thủ quỹ Đào Minh V (giai đoạn Đào Minh V làm thủ quỹ) và sổ sách kế toán. Như vậy, có căn cứ kết luận bị cáo Võ Thị Hồng V đã chiếm đoạt số tiền là 2.498.000.000 đồng thông qua việc rút tiền trên 56 giấy giả chữ ký của chủ tài khoản Võ Phúc A;

-Hành vi lập khống 02 giấy ủy nhiệm chi để chiếm đoạt số tiền 408.294.600 đồng: Võ Thị Hồng V có quen biết với ông Nguyễn Minh Chung, được ông Chung giới thiệu và cho số tài khoản của ông Nguyễn Châu Á. Sau đó, Võ Thị Hồng V lập 02 giấy ủy nhiệm chi (số 24/12 ngày 12/4/2012, số tiền 168.858.900 đồng [TK 3713] và số 148/12 ngày 26/12/2012, số tiền 239.435.700 đồng [TK 3711]) có nội dung chuyển trả tiền mua thuốc điều trị cho cán bộ tháng 12/2011 và tháng 5, 6, 7, 8, 9/2012 rồi trình cho bị cáo Võ Phúc A ký. Sau đó, Võ Thị Hồng V đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Bến Tre thực hiện chuyển tiền vào tài khoản của ông Nguyễn Châu Á, rồi sau đó ông Á, ông Chung rút tiền đưa lại cho Võ Thị Hồng V để bị cáo chiếm đoạt số tiền này, tổng cộng là 408.294.600 đồng;

-Thu tiền khám chữa bệnh 5%, 20% của các đối tượng B, C nhưng không nộp Kho bạc để chiếm đoạt số tiền: 834.475.203 đồng:

Ban thực hiện việc khám chữa bệnh cho các đối tượng A, B, C theo Quyết định số 565/QĐ/TU ngày 12/6/2007, Quyết định số 769-QĐ/TU ngày 11/3/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Theo quy định của Luật Bảo hiểm Y tế thì người bệnh phải cùng chi trả 5% hoặc 20% (tùy đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm y tế). Trong đó, đối tượng A được Tỉnh ủy hỗ trợ khoản chi phí này (theo công văn số 1937-CV/TU ngày 02/12/2009 của Thường trực Tỉnh ủy và Công văn số 81-CV/BVSK ngày 23/12/2009 của Ban).

Từ năm 2010, bị cáo Võ Thị Hồng V được bị cáo Võ Phúc A phân công thu tiền 5% và 20% của các đối tượng khám bệnh tại Ban. Sau khi thu tiền, bị cáo Võ Thị Hồng V không giao cho thủ quỹ quản lý mà giữ lại để chi cho đối

tượng A, cho thủ quỹ của Ban mượn để chi cho hoạt động của Ban và tiêu xài cá nhân.

Qua kiểm tra sổ sách, chứng từ thu, chi từ năm 2010 đến năm 2015, xác định được rằng bị cáo Võ Thị Hồng V chiếm đoạt số tiền là 834.475.203 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án xác định rằng có 36.000.000 đồng đã được bị cáo cho Đào Minh V mượn; sau đó, Đào Minh V trả lại và bị cáo đã giao nộp để bồi thường. Vì vậy, Tòa án xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt là (834.475.203 đồng – 36.000.000 đồng) = 798.475.203 đồng.

Như vậy, bằng các hành vi nói trên, bị cáo Võ Thị Hồng V đã chiếm đoạt số tiền tổng cộng là (2.498.000.000 đồng + 408.294.600 đồng + 798.475.203 đồng) = 3.704.769.803 đồng.

[1.2]Đối với Trần Thị N:

-Rút số tiền 20.000.000 đồng theo giấy rút tiền mặt ngày 29/08/2012 tại kho bạc Nhà nước-tỉnh Bến Tre nhưng không nhập vào sổ quỹ tiền mặt để chiếm đoạt số tiền này;

-Trong năm 2014, bị cáo thực hiện hành vi ghi sổ quỹ tiền mặt 02 lần cho cùng 01 khoản chi để chiếm đoạt số tiền 19.569.162 đồng.

Như vậy, bằng các hành vi nói trên, bị cáo Trần Thị N đã chiếm đoạt số tiền tổng cộng là 39.569.162 đồng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nói trên. Sự thừa nhận của các bị cáo phù hợp với các bản kết luận giám định, với các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Do đó, Tòa án có căn cứ kết luận như sau:

-Bị cáo Võ Thị Hồng V lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà bị cáo có trách nhiệm quản lý, số tiền là 3.704.769.803 đồng, phạm tội "*Tham ô tài sản*" theo Điểm a Khoản 4 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

-Bị cáo Trần Thị N lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà bị cáo có trách nhiệm quản lý, số tiền là 39.569.162 đồng, phạm tội "*Tham ô tài sản*" theo Khoản 1 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1]Bị cáo Võ Thị Hồng V:

-Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, có người thân là người có công với đất nước, có thành tích tốt trong quá trình làm

việc và đã khắc phục một phần hậu quả, nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

-Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hình phạt khởi điểm quy định tại Khoản 4 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là 20 năm tù. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 20 năm tù, bằng với hình phạt khởi điểm.

Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Hồng V cho rằng cần phải xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo Võ Phúc A trong việc cùng với bị cáo lập khống 02 giấy ủy nhiệm chi để chiếm đoạt tiền (408.294.600 đồng). Tuy nhiên, ý kiến này của bị cáo Võ Thị Hồng V là không có căn cứ pháp luật bởi vì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ của vụ án, thì chưa có căn cứ kết luận rằng bị cáo Võ Phúc A chịu trách nhiệm hình sự về việc lập khống 02 giấy ủy nhiệm chi để chiếm đoạt tiền (408.294.600 đồng).

[3.2]Bị cáo Trần Thị N:

-Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo khai báo thành khẩn trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo có người thân là người có công với đất nước, có thành tích tốt trong quá trình làm việc và đã khắc phục toàn bộ hậu quả, nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, p, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

-Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hình phạt khởi điểm quy định tại Khoản 1 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là 2 năm tù. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 2 năm tù, bằng với hình phạt khởi điểm.

Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345 và Điều 355 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

1/Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Hồng V và kháng cáo của bị cáo Trần Thị N; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về phần hình phạt đối với các bị cáo, như sau:

-Tuyên bố bị cáo Võ Thị Hồng V và bị cáo Trần Thị N phạm tội "*Tham ô tài sản*".

Áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 278; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Võ Thị Hồng V 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2017. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 278; Điểm b, p, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/Về án phí phúc thẩm: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- UBND xã Sơn Đông, tp Bến Tre;
- Lưu: HS, VT, TVN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng